

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTHGI-TTHT
V/v kê khai nộp thuế

Hà Giang, ngày tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Ông Phạm Văn Mạnh

Mã số thuế: 8333595245

Địa chỉ: SN 02, ngách 1, ngõ 22, đường Lê Hoàn, tổ 2, P.Nguyễn
Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (ĐT: 0343566788).

Ngày 25/8/2023, Cục Thuế nhận được công văn không số ngày 22/08/2023 của ông Phạm Văn Mạnh về việc kê khai nộp thuế đối với tổ thợ thi công công trình. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại điểm a, khoản 3, Điều 1 và điểm a, khoản 1, Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế Thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân quy định:

“Điều 1. Người nộp thuế

...

3. Người nộp thuế trong một số trường hợp cụ thể được xác định như sau:

a) Đối với cá nhân có thu nhập từ kinh doanh.

a.1) Trường hợp chỉ có một người đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế là cá nhân đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

a.2) Trường hợp nhiều người cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nhóm cá nhân kinh doanh), cùng tham gia kinh doanh thì người nộp thuế là từng thành viên có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

a.3) Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều người cùng tham gia kinh doanh nhưng chỉ có một người đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế là cá nhân đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

a.4) Trường hợp cá nhân, hộ gia đình thực tế có kinh doanh nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Chứng chỉ, Giấy phép hành nghề) thì người nộp thuế là cá nhân đang thực hiện hoạt động kinh doanh.

a.5) Đối với hoạt động cho thuê nhà, quyền sử dụng đất, mặt nước, tài sản khác không có đăng ký kinh doanh, người nộp thuế là cá nhân sở hữu nhà, quyền

sử dụng đất, mặt nước, tài sản khác. Trường hợp nhiều cá nhân cùng sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, mặt nước, tài sản khác thì người nộp thuế là từng cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng.”

“Điều 2. Các khoản thu nhập chịu thuế

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

1. Thu nhập từ kinh doanh

Thu nhập từ kinh doanh là thu nhập có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

a) Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật như: sản xuất, kinh doanh hàng hóa; xây dựng; vận tải; kinh doanh ăn uống; kinh doanh dịch vụ, kể cả dịch vụ cho thuê nhà, quyền sử dụng đất, mặt nước, tài sản khác.”

- Tại Điều 2 và khoản 4, Điều 3, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định:

“Điều 2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.”

“Điều 3. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu) bao gồm:

...

4. Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu;”

- Tại khoản 12, Điều 4 và khoản 5, Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định:

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

...

12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình.

Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì toàn bộ giá trị công trình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Đối tượng chính sách xã hội bao gồm: người có công theo quy định của pháp luật về người có công; đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”

“Điều 8. Thời điểm xác định thuế GTGT

...

5. Đối với xây dựng, lắp đặt, bao gồm cả đóng tàu, là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.”

- Tại khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 10 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Thuế Giá trị gia tăng, Thuế Thu nhập cá nhân và Quản lý Thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định:

“Điều 10. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

1. Doanh thu tính thuế

Doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền; các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, phí thu thêm được hưởng theo quy định; các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác (chỉ tính vào doanh thu tính thuế TNCN); doanh thu khác mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

a) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế GTGT và tỷ lệ thuế TNCN áp dụng chi tiết đối với từng lĩnh vực, ngành nghề theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.”

Căn cứ các quy định trên, đối với công trình đổ mới đường bê tông từ thôn Nà Pù đến thôn Nà Thuông, xã Kim Linh được sử dụng bằng nguồn vốn nhà nước hỗ trợ thì toàn bộ công trình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân, nhóm cá nhân và hộ gia đình nhận thầu công trình do Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư được xác định như sau:

+ Xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: Tỷ lệ thuế GTGT là 3%; tỷ lệ thuế TNCN là 1,5%. Doanh thu tính thuế là toàn bộ giá trị khối lượng công trình xây dựng nghiệm thu, bàn giao được thể hiện tại Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu.

+ Xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: Tỷ lệ thuế GTGT là 5%; tỷ lệ thuế TNCN là 2%. Doanh thu tính thuế là nhân công được thanh toán thể hiện tại Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu.

Đối với phần khối lượng do dân tự làm (đóng góp bằng nhân công) được lập dự toán riêng, không được chủ đầu tư thanh toán phần thuế GTGT thì không tính thuế GTGT đối với phần giá trị khối lượng do dân tự làm (đóng góp bằng nhân công). Về thuế TNCN thì không phải kê khai, nộp thuế đối với phần giá trị tương ứng với khối lượng công việc do dân tự làm (đóng góp bằng nhân công) mà chủ đầu tư không thanh toán giá trị công trình này.

Đề nghị Ông căn cứ tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật để xác định và áp dụng theo đúng quy định.

Cục Thuế trả lời để Ông Phạm Văn Mạnh biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục thuế;
- Các phòng: TT-KT, NVDTPC, KKT;
- CCT các huyện, TP;
- Website Cục thuế;
- Lưu VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Trọng Thủy